ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 135 /BC-UBND	*Hưng Yên, ngày 09 tháng 9 năm 2013*

BÁO CÁO
Sơ kết đánh giá tình hình, kết quả thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội XVII Đảng bộ tỉnh

Thực hiện Thông báo số 896-TB/TU ngày 26/8/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về sơ kết đánh giá tình hình, kết quả thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội XVII Đảng bộ tỉnh; Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015, bên cạnh những thành tựu đạt được qua gần 25 năm đổi mới và phát triển, tỉnh ta phải đối mặt với những khó khăn gay gắt nhất kể từ khi tái lập tỉnh đến nay. Kinh tế thế giới tiếp tục trì trệ, phục hồi rất chậm; những yếu kém của nền kinh tế đất nước bộc lộ; kinh tế vĩ mô thiếu ổn định, chất lượng tăng trưởng, sức cạnh tranh thấp; quy mô, khả năng cạnh tranh của các ngành kinh tế trong tỉnh thấp, khả năng huy động nguồn lực hạn chế, kết cấu hạ tầng kỹ thuật còn yếu, chưa đồng bộ, tình hình thiên tai, dịch bệnh diễn biến phức tạp... Những yếu tố trên đã ảnh hưởng rất lớn tới kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII về phát triển kinh tế - xã hội trong nửa nhiệm kỳ qua.

Trong bối cảnh những khó khăn chung của cả nước và của tỉnh, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện quyết liệt các giải pháp của Chính phủ về kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội, tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ thị trường, thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh. Với nỗ lực của các cấp, các ngành và nhân dân trong tỉnh, kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2011-2013 vẫn đạt được những kết quả quan trọng.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Về tốc độ phát triển kinh tế, cơ cấu kinh tế

- Giá trị gia tăng (GDP) và tốc độ tăng trưởng GDP: Năm 2011 đạt 23.886 tỷ đồng, tăng 11,55%; năm 2012 đạt 25.706 tỷ đồng, tăng 7,62%; 6 tháng đầu năm 2013 đạt 16.042 tỷ đồng, tăng 7,41%, thấp hơn mục tiêu Đại hội (mục tiêu 12,5%/năm); trong đó:

+ GDP nông nghiệp - thủy sản: Năm 2011 đạt 4.808 tỷ đồng, tăng 7,4%; năm 2012 đạt 4.806 tỷ đồng, giảm 0,04%; 6 tháng đầu năm 2013 đạt 3.150 tỷ đồng, tăng 0,32%;

+ GDP công nghiệp - xây dựng: Năm 2011 đạt 11.437 tỷ đồng, tăng 13,74%; năm 2012 đạt 12.456 tỷ đồng, tăng 8,91%; 6 tháng đầu năm 2013 đạt 8.206 tỷ đồng, tăng 7,96%;

+ GDP các ngành dịch vụ: Năm 2011 đạt 7.641 tỷ đồng, tăng 11,06%; năm 2012 đạt 8.443 tỷ đồng, tăng 10,5%; 6 tháng đầu năm 2013 đạt 4.686 tỷ đồng, tăng 11,85%.

- Về giá trị sản xuất các ngành kinh tế:

+ Giá trị sản xuất nông nghiệp - thủy sản: Năm 2011 đạt 10.613 tỷ đồng, tăng 7,13%; năm 2012 đạt 10.585 tỷ đồng, giảm 0,26%; 6 tháng đầu năm 2013 đạt 5.989 tỷ đồng, tăng 0,32%; tăng thấp hơn mục tiêu Đại hội (mục tiêu 4%/năm);

+ Giá trị sản xuất công nghiệp: Năm 2011 đạt 59.644 tỷ đồng, tăng 13,7%; năm 2012 đạt 64.989 tỷ đồng, tăng 8,96%; 6 tháng đầu năm 2013 đạt 32.807 tỷ đồng, tăng 7,38%; tăng thấp hơn mục tiêu Đại hội (mục tiêu 19%/năm);

+ Giá trị sản xuất thương mại và dịch vụ: Năm 2011 đạt 11.219 tỷ đồng, tăng 10,96%; năm 2012 đạt 12.476,7 tỷ đồng, tăng 11,21%; 6 tháng đầu năm 2013 đạt 6.524 tỷ đồng, tăng 11,85%; tăng thấp hơn mục tiêu Đại hội (mục tiêu 16%/năm);

- Kim ngạch xuất khẩu: Năm 2011 đạt 813 triệu USD, tăng 36,78%; năm 2012 đạt 1.216 triệu USD, tăng 49,54%; 6 tháng đầu năm 2013 đạt 749 triệu USD, tăng 61,65%; tăng trưởng vượt mục tiêu Đại hội đề ra (mục tiêu năm 2015 kim ngạch xuất khẩu đạt 1.000 triệu đô la Mỹ, tăng bình quân 17%/năm).

- GDP bình quân đầu người (theo giá hiện hành): Năm 2010 đạt 18,9 triệu đồng/người; năm 2011 đạt 24 triệu đồng/người; năm 2012 đạt 28 triệu đồng/người (mục tiêu Đại hội 43,6 triệu đồng/người). Nhìn chung, GDP bình quân đầu người những năm qua có xu hướng tăng, nhưng do ảnh hưởng khó khăn chung của nền kinh tế nói chung, sản xuất kinh doanh nói riêng nên tốc độ tăng GDP đầu người của tỉnh còn thấp. Với tốc độ tăng GDP bình quân đầu người giai đoạn 2011-2013 thì năm 2015 khó đạt mục tiêu đề ra.

- Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch đúng hướng, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ:

+ Năm 2010: Nông nghiệp, thủy sản 20,91% - công nghiệp, xây dựng 46,96% - dịch vụ 32,13%;

+ Năm 2011: Nông nghiệp, thủy sản 22,44% - công nghiệp, xây dựng 46,02% - dịch vụ 31,54%;

+ Năm 2012: Nông nghiệp, thủy sản 20,08% - công nghiệp, xây dựng 47,28% - dịch vụ 32,64%;

+ 6 tháng đầu năm 2013: Nông nghiệp, thủy sản 18,52% - công nghiệp, xây dựng 48,7% - dịch vụ 32,77%.

Kết quả phát triển các ngành sản xuất và dịch vụ:

- Lĩnh vực nông nghiệp - thủy sản: Trong điều kiện thiên tai dịch bệnh diễn biến bất thường với tần suất ngày càng cao, giá vật tư đầu vào liên tục tăng, giá bán nông sản không ổn định, diện tích đất nông nghiệp bị thu hẹp, song sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản vẫn duy trì được mức tăng trưởng khá. Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản (giá cố định 2010) năm 2011 tăng 7,13%, năm 2012 giảm 0,26%, 6 tháng đầu năm 2013 tăng 0,32% (mục tiêu tăng 4%/năm). Sản xuất tiếp tục phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, năng suất, chất lượng, hiệu quả. Một số chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp như: Hỗ trợ giá giống, miễn giảm thủy lợi phí, hỗ trợ xây dựng hạ tầng,... phát huy tác dụng tích cực. Đã thực thiện tốt một số chính sách hỗ trợ đối với nông nghiệp, nông thôn như: Xây dựng hệ thống thủy lợi tương đối đồng bộ, hỗ trợ kiên cố hóa kênh mương, hỗ trợ đầu tư hạ tầng chợ, hỗ trợ xây dựng đường giao thông nông thôn, xây dựng thiết chế văn hóa...

- Lĩnh vực công nghiệp: Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2011 tăng trưởng 13,7%; năm 2012 tăng trưởng 8,96%; 6 tháng đầu năm 2013 tăng trưởng 7,38% (mục tiêu tăng 19%/năm). Như vậy, trong giai đoạn từ năm 2011 đến nay, tốc độ tăng trưởng bình quân ngành công nghiệp chưa đạt mục tiêu đề ra và thấp hơn thời điểm năm 2010 (năm 2010 tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp đạt 14,69%). Nhìn chung, ngành sản xuất công nghiệp của tỉnh từ năm 2011 đến nay gặp nhiều khó khăn, tăng trưởng chậm do giá cả một số nguyên, nhiên liệu đầu vào sản xuất (điện, nước, xăng, dầu,...) tăng cao; doanh nghiệp khó khăn tiếp cận và hấp thụ nguồn vốn, tiêu thụ hàng hóa giảm, phục hồi chậm, nhiều doanh nghiệp phải thu hẹp quy mô sản xuất, sản xuất cầm chừng, nhiều doanh nghiệp phải ngừng hoạt động, có nguy cơ giải thể...

- Lĩnh vực thương mại và dịch vụ tiếp tục phát triển đa dạng về loại hình. Một số ngành dịch vụ như tư vấn, ngân hàng, bảo hiểm, chuyển giao công nghệ, vận tải, viễn thông, du lịch phát triển khá. Chất lượng một số hoạt động dịch vụ được cải thiện. Giá trị sản xuất thương mại và dịch vụ năm 2011 tăng 10,96%; năm 2012 tăng 11,21%; 6 tháng đầu năm 2013 tăng 11,85%; tăng thấp hơn mục tiêu đề ra (16%/năm). Tỉnh đã có nhiều giải pháp thúc đẩy phát triển các ngành dịch vụ như: Thực hiện thường xuyên và có kết quả cuộc vận động Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam, đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, góp phần hỗ trợ các doanh nghiệp trong quảng bá, tiêu thụ sản phẩm; tuy nhiên do sức mua giảm nên giá trị sản xuất các ngành dịch vụ không đạt được mục tiêu đề ra.

- Xuất khẩu duy trì được mức tăng trưởng khá, giữ được thị trường truyền thống, một số mặt hàng xâm nhập được các thị trường mới có tiềm năng. Các mặt hàng xuất khẩu chính là điện tử, may mặc, giày dép... Tổng giá trị xuất khẩu năm 2011 đạt 813 triệu USD, tăng 36,78%; năm 2012 đạt 1.216 triệu USD, tăng 49,54%; 6 tháng đầu năm 2013 đạt 749 triệu USD, tăng 61,65%. Như vậy,

kim ngạch xuất khẩu của tỉnh tăng trưởng vượt mục tiêu đề ra (mục tiêu năm 2015 kim ngạch xuất khẩu đạt 1.000 triệu đô la Mỹ, tăng bình quân 17%/năm).

2. Về thu hút đầu tư

Kết quả thu hút đầu tư trước tháng 10/2010: Tổng số dự án 772, trong đó dự án có vốn đầu tư trong nước 599 với tổng vốn đầu tư đăng ký 42.058 tỷ đồng; dự án có vốn đầu tư nước ngoài 173 với tổng vốn đầu tư đăng ký 1,558 tỷ USD.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 1.057 dự án còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư đăng ký khoảng 6,2 tỷ USD, tăng 285 dự án so với mốc thời gian năm 2010. Trong đó: Số dự án có vốn đầu tư trong nước 806 dự án, tăng 207 dự án, tổng vốn đầu tư đăng ký 56.552 tỷ đồng (tương đương 3,9 tỷ USD), tăng 14.494 tỷ đồng; số dự án có vốn đầu tư nước ngoài 251 dự án, tăng 78 dự án, tổng vốn đầu tư đăng ký là 2,3 tỷ USD, tăng 0,741 tỷ USD. Tổng vốn đầu tư thực hiện của các dự án có vốn đầu tư trong nước đạt khoảng 31.126 tỷ đồng, bằng 55% tổng vốn đăng ký; tổng vốn đầu tư thực hiện của các dự án FDI đạt khoảng 1,731 tỷ USD, bằng 73% tổng vốn đăng ký (Vượt mục tiêu Nghị quyết Đại hội đề ra: đến năm 2015 tổng số dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh có vốn đăng ký 5 tỷ USD).

Từ tháng 10/2010 đến nay, toàn tỉnh đã có thêm 115 dự án đi vào hoạt động (đưa tổng số dự án lên 690 dự án đi vào hoạt động), với tổng vốn đầu tư thực hiện gần 12.000 tỷ đồng, bằng 72% tổng vốn đăng ký đầu tư, đóng góp tích cực vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo thêm việc làm cho khoảng trên 1 vạn lao động, giá trị sản xuất công nghiệp tăng trên 6.000 tỷ đồng, đóng góp thêm cho ngân sách mỗi năm khoảng trên 20% so với tổng thu ngân sách địa phương.

3. Về phát triển sản xuất nông nghiệp

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất nông nghiệp bình quân 3 năm (2011-2013) đạt 3,47% (mục tiêu: 4%, năm 2010: 5,78%). Cơ cấu kinh tế nông nghiệp tiếp tục chuyển đổi tích cực theo hướng giảm tỷ trọng sản xuất cây lương thực, tăng tỷ trọng chăn nuôi, thủy sản, rau quả, cây ăn quả. Năm 2013, dự kiến cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo nhóm cây trồng, vật nuôi: Cây lương thực 21,72% - rau quả, cây ăn quả 27,71% - chăn nuôi, thủy sản 50,57% (tương ứng năm 2010: 26,5% - 27,3% - 46,2%; mục tiêu đến năm 2015 là 20% - 35% - 45%).

- Trồng trọt: Đã tích cực chuyển đổi cơ cấu thời vụ, cơ cấu giống cây trồng theo hướng năng suất, chất lượng, hiệu quả cao, đảm bảo an ninh lương thực, từ đó sản xuất nông nghiệp phát triển khá toàn diện; năng suất, sản lượng và giá trị đều tăng. Lúa chất lượng cao năm 2012 đạt 56,6% diện tích (năm 2010 đạt 48,3%, mục tiêu 55%); tỷ lệ lúa lai năm 2012 đạt 17,5% (năm 2010 đạt 8,3%); cơ cấu mùa vụ được thay đổi ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu. Năm 2010 diện tích cấy trà Xuân sớm chiếm 7,1%, năm 2012 giảm còn 0,4%. Vụ Xuân năm 2013, các địa phương tập trung gieo cấy 100% trà Xuân muộn (vụ Xuân năm 2010 diện tích trà Xuân muộn đạt 92,9%). Sản xuất lương thực được duy trì ổn định với sản lượng lương thực có hạt năm 2013 dự kiến 575.998 tấn (2010 đạt 563.338 tấn); năng suất bình quân dự kiến năm 2013 ước đạt

64,82tạ/ha/vụ (mục tiêu 66,5 tạ/ha/vụ; năm 2010 đạt 62,81 tạ/ha/vụ). Đã xây dựng được 17 cánh đồng mẫu lớn với tổng diện tích 560 ha. Hàng năm cơ bản đáp ứng được trên 70% nhu cầu giống lúa thuần tốt cho sản xuất lúa của tỉnh.

Cây ăn quả gia tăng về diện tích, năng suất và sản lượng, nhất là cây có múi, chuối tiêu hồng đã trở thành sản phẩm nổi tiếng nhiều địa phương biết đến. Diện tích trồng chuối tăng mạnh, từ 1.295 ha (năm 2010) lên 1.407 ha (năm 2012); sản lượng từ 26.782 tấn (năm 2010) lên 31.070 tấn (năm 2012). Diện tích cam, quýt tăng từ 2.063 ha (năm 2010) lên 2.341 ha (năm 2012); sản lượng tăng từ 31.222 tấn (năm 2010) lên 38.375 tấn (năm 2012). Diện tích nhãn, vải có xu thế gia tăng theo hướng tự phát (nhất là vùng nhãn chín muộn Khoái Châu), đến nay toàn tỉnh đạt khoảng trên 3.000 ha. Cây rau, đậu các loại phát triển theo hướng tăng diện tích, nâng cao chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm, phục vụ nhu cầu ngày càng cao của nhân dân trong tỉnh và các thị trường lân cận, nhất là thành phố Hà Nội,...

- Chăn nuôi: Cơ cấu giống chuyển đổi tích cực theo hướng năng suất, chất lượng và hiệu quả, chất lượng giống ngày càng được nâng cao, quy mô đàn ngày càng phát triển. Tổng đàn lợn tăng từ 630 ngàn con (năm 2010) lên 660 ngàn con (năm 2012); đàn gia cầm tăng từ 7,6 triệu con (năm 2010) lên 8,3 triệu con (năm 2012); đàn trâu bò đến năm 2012 còn 46,45 ngàn con (tổng đàn tăng 2%, sản lượng tăng 10%). Tổng số trang trại chăn nuôi đến năm 2012 có 345 trang trại (theo tiêu chí mới). Tỷ lệ lợn nạc tăng lên 75,5% (năm 2012); bò laisind và lai 3 máu tăng, đạt 95%. Công tác bảo vệ môi trường và xử lý chất thải trong chăn nuôi đã được quan tâm, đã xây dựng, lắp đặt được khoảng 7.000 hầm khí sinh học (biogas). Dự án cạnh tranh ngành chăn nuôi và an toàn thực phẩm (Lifsap) được thực hiện đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả; tỉnh đã phê duyệt cơ chế hỗ trợ, khuyến khích phát triển chăn nuôi tập trung xa khu dân cư và giết mổ gia súc, gia cầm tập trung giai đoạn 2011-2015; đặc biệt năm 2012, tỉnh đã hỗ trợ chăn nuôi thông qua Đề án giống vật nuôi trên 87.000 con gà giống Đông Tảo, 480 bò lai 3 máu có năng suất, chất lượng cao, được đưa vào sản xuất đạt hiệu quả cao với kinh phí hỗ trợ gần 5 tỷ đồng.

- Diện tích nuôi thuỷ sản thâm canh được nhân rộng: Diện tích nuôi trồng thủy sản năm 2012 giảm xuống còn 4.212 ha (năm 2010: 4.421 ha); năng suất năm 2012 đạt 4,5 tấn/ha (năm 2010: 5,51 tấn/ha); sản lượng đạt 28.500 tấn (năm 2010: 24.371 tấn). Nhiều giống có năng suất, chất lượng, giá trị kinh tế cao được đưa vào sản xuất như: cá rô phi đơn tính, chép lai 3/4 máu…; hàng năm sản xuất và tiêu thụ trên 01 tỷ cá bột và cung cấp trên 100 triệu cá giống phục vụ sản xuất. Đề án mở rộng diện tích nuôi cá rô phi đơn tính thực hiện có hiệu quả.

- Công tác dự tính, dự báo và phòng trừ sâu bệnh, bệnh hại cây trồng được thực hiện có hiệu quả; công tác dự phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm, tỷ lệ tiêm phòng bình quân hàng năm đạt trên 80% diện phải tiêm, là một trong những tỉnh có tỷ lệ tiêm phòng cao; công tác kiểm dịch động, thực vật, kiểm soát giết mổ được đặc biệt chú trọng, 3 năm qua không để xảy ra dịch bệnh lớn trên cây trồng, vật nuôi. Công tác khuyến nông, khuyến ngư, chuyển giao tiến

bộ kỹ thuật, xúc tiến thương mại nông nghiệp được chú trọng, tích cực tham gia các hội chợ. Phát hành ấn phẩm "Bản tin sản xuất và thị trường" hàng tuần cấp miễn phí các xã, phường, thị trấn nhằm cung cấp thông tin, định hướng sản xuất, giới thiệu, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật tới người sản xuất.

- Kinh tế trang trại phát triển với nhiều loại hình hoạt động sản xuất đa dạng, phong phú và mang lại hiệu quả kinh tế cao. Năm 2012, trên địa bàn tỉnh có 353 mô hình kinh tế trang trại theo tiêu chí mới (năm 2010 có 2.384 trang trại theo tiêu chí cũ), trong đó: Trồng trọt 04 (chiếm 1,1%); chăn nuôi 345 (chiếm 97,7%); thủy sản 03 (chiếm 0,8%); tổng hợp 01 (chiếm 0,4%). Diện tích đất sử dụng 325,58 ha, bình quân 0,92 ha/trang trại (năm 2008 là 0,61 ha), tổng lao động của các trang trại là 1.390 người (bình quân có 04 lao động/trang trại). Tổng doanh thu năm 2012 của các trang trại đạt gần 1.000 tỷ đồng, bình quân 2,6 tỷ đồng/trang trại (năm 2008 tổng doanh thu các trang trại khoảng 480 tỷ đồng).

- Kinh tế hợp tác trong nông nghiệp: Toàn tỉnh hiện có 164 hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp (năm 2010 có 167 HTX DVNN, giảm 03 HTX), trong đó có 159 HTX hoạt động dịch vụ tổng hợp (chiếm 97%), 05 HTX chuyên khâu sản xuất (chiếm 3%). Phạm vi hoạt động của HTX toàn xã là chủ yếu (149 HTX), còn lại là phạm vi thôn. Bình quân 01 HTX có 83 xã viên, vốn điều lệ 33,5 triệu đồng, bình quân vốn góp của 01 xã viên trên 400.000 đồng. Kết quả tự xếp loại của Ban quản trị HTX (theo Thông tư số 01/2009/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch & Đầu tư về hướng dẫn các tiêu chí phân loại HTX) toàn tỉnh chỉ có 11 HTX đạt loại tốt (6%), 92 HTX đạt loại trung bình và yếu (56%). Thực chất HTX hoạt động nói chung còn rất khó khăn, hiệu quả thấp.

- Về xây dựng nông thôn mới: Đến nay, toàn tỉnh đã có 145/145 xã hoàn thành quy hoạch xây dựng nông thôn mới; 03/10 huyện, thành phố hoàn thành công tác rà soát và bổ sung quy hoạch; có 137/145 xã hoàn thành phê duyệt đề án, đạt 95% tổng số xã. Nội dung, quy trình đề ản của các xã đã được phê duyệt cơ bản đáp ứng yêu cầu.

Sau 03 năm triển khai thực hiện đồng bộ Chương trình xây dựng nông thôn mới, đạt kết quả khá toàn diện. Bình quân cả tỉnh năm 2011 đạt 6,62 tiêu chí/xã, dự kiến năm 2013 đạt 8,91 tiêu chí/xã, tăng 2,3 tiêu chí/xã. Trong đó nhóm 1 (đạt 19 tiêu chí) chưa có xã nào đạt; nhóm 2 (đạt từ 15-18 tiêu chí) có 02 xã, chiếm 1,3%; nhóm 3 (đạt từ 10-14 tiêu chí) có 43 xã, chiếm 29,7%; nhóm 4 (đạt từ 5-9 tiêu chí) có 100 xã, chiếm 69%.

- Về thủy lợi: Hệ thống thủy lợi được tập trung cải tạo, nâng cấp; đến nay cơ bản đáp ứng yêu cầu tưới, tiêu, phục vụ nhu cầu sản xuất và dân sinh. Đê điều được tu bổ, củng cố vững chắc hơn, phong trào kiên cố hóa kênh mương kết hợp với giao thông nông thôn phát triển rộng khắp và đạt kết quả. Tiếp tục thực hiện Dự án nâng cấp tuyến đê tả sông Hồng, với tổng mức đầu tư 2.700 tỷ đồng và cải tạo nâng cấp hệ thống công trình Bắc Hưng Hải (CPO) khoảng 1 triệu USD. 5 năm qua, toàn tỉnh đã kiên cố hóa được trên 240 km kênh mương các loại, đạt 12,5%; đã sửa chữa, nâng cấp và xây mới được 13 trạm bơm, với tổng kinh phí khoảng 300 tỷ đồng; nạo vét được tổng số 66 km kênh mương,

sông trục các loại, với tổng kinh phí 110 tỷ đồng. Thực hiện Dự án nạo vét khẩn cấp sông Điện Biên và sông Đồng Quê - Cửu An với tổng mức đầu tư 1.400 tỷ đồng, góp phần đảm bảo tưới tiêu chủ động trên 88% diện tích đất nông nghiệp nội đồng. Hàng năm, tỉnh cấp khoảng 110 tỷ đồng hỗ trợ miễn thủy lợi phí cho nông dân.

4. Về thu, chi ngân sách

a) Tổng thu ngân sách trên địa bàn: Năm 2010 đạt 3.594 tỷ đồng, trong đó thu nội địa đạt trên 2.466 tỷ đồng; năm 2011 đạt 4.823 tỷ đồng, trong đó thu nội địa đạt trên 3.287 tỷ đồng; năm 2012 đạt 6.460 tỷ đồng, trong đó thu nội địa đạt 3.689 tỷ đồng; 6 tháng đầu năm 2013 đạt 2.840,169 tỷ đồng, bằng 52,3% kế hoạch (KH 5.429,500 tỷ đồng), trong đó thu nội địa 2.021 tỷ đồng, bằng 45,75% kế hoạch (KH 4.417 tỷ đồng).

Căn cứ kết quả thực hiện thu NSNN 6 tháng đầu năm 2013, dự báo tình hình sản xuất - kinh doanh, diễn biến của giá cả thị trường, với quyết tâm cao với nhiều giải pháp điều hành thu, nỗ lực phấn đấu, có khả năng hoàn thành dự toán Trung ương giao, nhưng chi tiết từng chỉ tiêu có khả năng sẽ hụt thu, như: Thu nội địa khả năng chỉ đạt 85%-90% kế hoạch giao (dự kiến hụt thu nội địa khoảng 300 tỷ - 400 tỷ đồng); thu từ hoạt động XNK có khả năng đạt 1.400 tỷ đồng/1.005 tỷ đồng (đạt 133%).

b) Chi ngân sách 2013: Kế hoạch 5.361,308 tỷ đồng, thực hiện 2.587,985 tỷ đồng, đạt 48,3% kế hoạch, trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: Kế hoạch giao 1.389,982 tỷ đồng, thực hiện 854,166 tỷ đồng, đạt 61,5% kế hoạch.

- Chi thường xuyên: Kế hoạch giao 3.605,737 tỷ đồng, thực hiện 1.733,819 tỷ đồng, đạt 48,1% kế hoạch.

5. Về phát triển đô thị

Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Hưng Yên đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 268/QĐ-UBND ngày 17/02/2012 làm căn cứ để lập kế hoạch phát triển hệ thống đô thị trên địa bàn và đề nghị với Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương cho phép lập quy hoạch xây dựng các khu đô thị mới, hình thành khung đô thị của tỉnh một cách hoàn chỉnh và có hệ thống, kết nối đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng nhu cầu phát triển các khu đô thị trên địa bàn tỉnh.

UBND tỉnh đã phê duyệt Chương trình phát triển đô thị thành phố Hưng Yên; Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Chương trình phát triển đô thị huyện Mỹ Hào. Tiến hành triển khai lập, thẩm định và phê duyệt 02 đồ án quy hoạch chung xây dựng (quy hoạch chung xây dựng vùng bãi ngoài đê sông Hồng - huyện Văn Giang và quy hoạch chung xây dựng huyện Mỹ Hào) với tổng diện tích khoảng 1.729 ha.

Lập, thẩm định và phê duyệt 21 đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng khu đô thị, khu nhà ở công nhân, nhà ở thương mại với tổng diện tích khoảng 1.402 ha; trong đó: Huyện Mỹ Hào 04 khu với diện tích 620,45 ha; huyện Văn Giang 06 khu với diện tích 1.001,49 ha; huyện Khoái Châu 03 khu với diện tích 50,84 ha; huyện Yên Mỹ 04 khu với diện tích 158,03 ha; huyện Văn Lâm 03 khu với diện tích 54,55 ha; huyện Kim Động 01 khu với diện tích 7,96 ha; thành phố Hưng Yên 01 khu với diện tích 10,39 ha. Trong 21 quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng mới có 03 đơn vị tiến hành triển khai thực hiện đầu tư, còn lại mới đang trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng và làm thủ tục giải phóng mặt bằng.

Lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch xây dựng nông thôn mới cho 145/145 xã trên địa bàn toàn tỉnh. Các quy hoạch trọng điểm khác như: Quy hoạch chung xây dựng huyện Văn Lâm, quy hoạch chung xây dựng đô thị Bô Thời - Dân Tiến và quy hoạch chung xây dựng dọc tuyến đường nối hai đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng đang được gấp rút triển khai làm cơ sở để hướng dẫn các địa phương lập chương trình phát triển đô thị cho khu vực do địa phương quản lý.

Để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, UBND tỉnh đã tích cực chỉ đạo UBND các huyện, thành phố và các sở, ngành liên quan khẩn trương lập quy hoạch chung xây dựng cho các huyện, quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết xây dựng cho các khu vực chức năng trên địa bàn nhằm thực hiện tốt việc đầu tư xây dựng theo quy hoạch được duyệt.

6. Về phát triển hạ tầng giao thông

a) Về lĩnh vực giao thông

- Dự án nâng cấp quốc lộ 38 đang triển khai bước thiết kế kỹ thuật; Dự án nâng cấp quốc lộ 38B đầu tư bằng nguồn vốn vay WB4, đã hoàn thành năm 2011; Dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng tỉnh lộ 200 đầu tư bằng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ có tổng mức đầu tư 974,235 tỷ đồng, quy mô đường cấp III đồng bằng với chiều dài là 37,6 km đi qua 3 huyện Yên Mỹ, Ân Thi, Tiên Lữ; đến nay đã thảm xong mặt đường BTN dài 13,3 km, thi công xong cầu Hải Triều, cầu Thi và lao lắp xong dầm cầu Bình Trì, tổng khối lượng xây lắp đã hoàn thành là 320 tỷ đồng (đạt 62%), tổng kinh phí đã cấp cho dự án là 490 tỷ đồng. Phối hợp đẩy nhanh tiến độ xây dựng đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng.

- Dự án tuyến đường bộ nối đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình: Đã GPMB được 18,6 km; phần mặt bằng còn lại 0,8 km thuộc các khu dân cư Chính Nghĩa và Nhật Tân; đã thi công đào nền và đắp 01 m cát cơ bản xong 17,65 km, nhà thầu tự ứng vốn thi công, tuy nhiên do khó khăn về vốn nên dự án đang tạm dừng thi công. Đến nay tỉnh ứng vốn và vay để GPMB là 401,5 tỷ đồng, đã giải ngân 241,5 tỷ đồng, còn lại 160 tỷ đồng (dự kiến trả quỹ dự trữ tài chính tỉnh 100 tỷ đồng, còn lại 60 tỷ đồng chi trả GPMB khu dân cư xã Chính Nghĩa và xã Nhật Tân); nhà thầu ứng vốn thi công xây lắp khoảng 186 tỷ đồng.

- UBND tỉnh đã phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển GTVT tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2012-2020 và định hướng đến năm 2030, trong đó đã quy hoạch các điểm đấu nối với các tuyến đường trục vành đai Hà Nội và đường giao thông đối với các tỉnh lân cận.

- Tuyến đường liên tỉnh Dân Tiến, Khoái Châu - Thanh Trì, Hà Nội đã cơ bản hoàn thành 14,1 km/17,37 km đoạn tuyến ngoài đô thị; đoạn còn lại 3,2 km đi qua đô thị đã thi công xong phần nền cát; cầu Bắc Hưng Hải cơ bản xong cầu phía Tây (cầu phía Đông chưa thi công), dự kiến đến cuối năm 2013 thông xe toàn tuyến từ cầu Thanh Trì (vành đai 3 Hà Nội) đến nút giao Dân Tiến đấu nối vào quốc lộ 39.

- Cảng sông Hồng đang được triển khai thi công, dự kiến hoàn thành năm 2014; cảng sông Luộc thực hiện xã hội hóa.

- Hỗ trợ để cơ bản các tuyến đường xã, thôn và 50% đường ra đồng được trải vật liệu cứng: Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, trong giai đoạn 2010-2012, toàn tỉnh đầu tư được 582,96 km đường GTNT các loại, xây dựng mới 13 cầu GTNT; tổng kinh phí đầu tư 663,2 tỷ đồng; đến nay trên địa bàn toàn tỉnh hệ thống đường xã, đường thôn cơ bản đã được đổ bê tông xi măng, láng nhựa; đường trục chính nội đồng tỷ lệ cứng hóa đạt trên 10% (cứng hóa bằng cấp phối đá dăm, bê tông xi măng, vật liệu mới).

b) Về lĩnh vực vận tải

Vận tải khách thực hiện đẩy mạnh công tác xã hội hóa theo quy hoạch và nhu cầu cấp thiết; từ 2010 đến nay đã công bố, xếp hạng 2 bến xe (bến xe Triều Dương - loại 2, bến xe Ân Thi - loại 3).

7. Về phát triển hạ tầng mạng lưới điện

Thực hiện vay vốn Ngân hàng thế giới triển khai Dự án cải tạo lưới điện nông thôn (REII) mở rộng trên địa bàn 48 xã, dự án triển khai từ năm 2010 và hoàn thành cuối năm 2013, tổng vốn vay ODA dự kiến là 224,7 tỷ đồng. Trong nửa đầu nhiệm kỳ vừa qua ngành điện thực hiện đầu tư, cải tạo các công trình trọng điểm, các trạm nguồn, các xuất tuyến trung thế để cấp điện cho phụ tải, chống quá tải lưới điện, giảm tổn thất điện năng. Cải tạo, nâng cấp 17,3 km đường dây 110kV; 09 trạm biến áp; 399,8 km đường dây trung thế; 675 trạm biến áp phân phối; 370,7 km đường dây hạ áp. Tổng số vốn đầu tư khoảng 2.859,2 tỷ đồng (Trong đó ngành điện 1.086 tỷ đồng, vốn ngân sách địa phương 96,5 tỷ đồng, vốn ODA 224,7 tỷ đồng, vốn doanh nghiệp 1.452 tỷ đồng).

III. NHỮNG HẠN CHẾ, YẾU KÉM VÀ NGUYÊN NHÂN:

1. Hạn chế, yếu kém

- Một số chỉ tiêu về kinh tế đạt thấp so với mục tiêu đề ra cho cả nhiệm kỳ; một số Đề án thực hiện Nghị quyết Đại hội triển khai còn chậm, kết quả đạt được còn thấp so với mục tiêu đề ra; sản xuất kinh doanh nói chung gặp nhiều khó khăn, tăng trưởng thấp, nhiều doanh nghiệp bị giải thể và dừng hoạt động; thị trường tiêu thụ sản phẩm khó khăn; một số khâu đầu tư xây dựng kết cấu hạ

tầng, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao kết quả còn hạn chế; môi trường đầu tư chưa được cải thiện nhiều; chưa đạt mục tiêu phát triển kinh tế.

- Cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động chuyển dịch chậm và chưa thật sự vững chắc, lao động thiếu việc làm, thiếu ổn định và thời gian sử dụng lao động ở khu vực nông thôn chưa cao.

- Xây dựng nông thôn mới ở các địa phương triển khai còn chậm; một số địa phương còn thiếu chủ động, chỉ đạo chưa quyết liệt, còn tư tưởng trông chờ hỗ trợ từ cấp trên, chưa phát huy tốt tiềm năng của cộng đồng dân cư, chưa chú trọng đúng mức đến phát triển kinh tế, xây dựng đời sống văn hóa, bảo đảm trật tự an toàn xã hội và vệ sinh môi trường.

- Tiến độ triển khai thực hiện của nhiều dự án đầu tư còn chậm, đóng góp cho ngân sách nhà nước còn hạn chế, chưa thu hút được nhiều dự án có hàm lượng công nghệ cao, vốn đầu tư lớn; nguồn lực dành cho đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ công tác thu hút đầu tư còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu, đặc biệt là đầu tư xây dựng hạ tầng các cụm công nghiệp, hạ tầng xã hội phục vụ các khu công nghiệp; hạ tầng các KCN chậm được hoàn thiện, tình trạng ô nhiễm môi trường chậm được khắc phục. Môi trường đầu tư của tỉnh tuy đã cải thiện nhưng chưa thực sự thông thoáng, một số thủ tục hành chính về đất đai và giải phóng mặt bằng còn mất nhiều thời gian dẫn đến kéo dài thời gian triển khai thực hiện dự án.

- Tiến độ thực hiện của nhiều dự án đầu tư xây dựng cơ bản, kể cả các dự án trọng điểm còn chậm; công tác xã hội hoá, huy động các nguồn lực cho phát triển giáo dục, đào tạo, chăm sóc sức khoẻ nhân dân, văn hoá, thể thao, bảo vệ môi trường… còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu.

- Một số vấn đề xã hội bức xúc: lấn chiếm đất công, ô nhiễm môi trường… tuy đã được tập trung giải quyết, song mới chỉ đạt kết quả bước đầu, chưa bền vững; tình hình ở một số cơ sở còn tiềm ẩn nguy cơ mất ổn định.

- Chất lượng, cơ cấu, trình độ đào tạo và dạy nghề chưa đáp ứng yêu cầu; đào tạo nghề chưa theo sát với nhu cầu của xã hội; chất lượng giáo dục ngoài công lập, giáo dục thường xuyên, giáo dục hướng nghiệp còn nhiều hạn chế; chất lượng khám chữa bệnh chưa đáp ứng được yêu cầu; tỷ lệ sinh con thứ 3 đang có xu hướng tăng; tỷ lệ mất cân bằng giới tính ở mức cao.

- Năng lực, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức không ít cơ quan, đơn vị còn ở mức thấp so với yêu cầu nhiệm vụ; thủ tục hành chính còn rườm rà…

2. Nguyên nhân:

a) Nguyên nhân khách quan:

- Cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu kéo dài đã tác động toàn diện đến việc thực hiện các mục tiêu đề ra, đặc biệt là tác động không nhỏ tới hoạt động thu hút đầu tư, sản xuất kinh doanh, thu ngân sách nhà nước, tạo việc làm cho người lao động.

- Một số văn bản pháp luật của nhà nước trên một số lĩnh vực còn chưa phù hợp thực tiễn, thiếu thống nhất, nhất là các văn bản liên quan đến đất đai, quản lý và sử dụng đất lúa. Mục tiêu chung của cả nước chuyển từ chú trọng tốc độ tăng trưởng cao sang duy trì tăng trưởng hợp lý, ổn định kinh tế vĩ mô và kiểm soát lạm phát, đảm bảo an sinh xã hội nên ảnh hưởng đến các mục tiêu tăng trưởng cao của tỉnh đề ra, nhất là trong ngắn hạn.

- Quy mô các ngành sản xuất trên địa bàn tỉnh còn nhỏ bé, hầu hết các doanh nghiệp khả năng hấp thụ vốn thấp, công nghệ còn lạc hậu, sức cạnh tranh chưa cao; hệ thống kết cấu hạ tầng còn thiếu đồng bộ trong khi khả năng cân đối ngân sách cho đầu tư phát triển còn rất hạn chế.

- Tình hình thời tiết, dịch bệnh diễn biến phức tạp, tác động tới sản xuất và đời sống dân sinh, nhất là tác động tới lĩnh vực sản xuất nông nghiệp.

b) Nguyên nhân chủ quan:

- Việc xây dựng các chỉ tiêu cho cả nhiệm kỳ được thực hiện trong bối cảnh tình hình kinh tế của tỉnh đang duy trì ở mức tăng trưởng khá cao. Các dự báo đưa ra không sát nên một số chỉ tiêu đề ra không lường trước được các yếu tố khó khăn, bất lợi.

- Một số quy định về cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển trên một số lĩnh vực còn chưa sát với thực tiễn, hiệu quả thực thi thấp do nguồn ngân sách tỉnh còn hạn chế, chủ yếu tập trung cho chi thường xuyên.

- Thu ngân sách gặp nhiều khó khăn do sản xuất kinh doanh trì trệ. Thu từ đất giảm nhiều đã ảnh hưởng rất lớn tới chi cho đầu tư phát triển.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2014, 2015:

Theo dự báo của Chính phủ, kinh tế thế giới còn nhiều diễn biến phức tạp, khó lường; khó khăn thách thức còn rất lớn; bảo hộ thương mại có xu hướng gia tăng, tác động bất lợi đến xuất, nhập khẩu của cả nước và của tỉnh. Kinh tế trong nước còn nhiều khó khăn, kinh tế vĩ mô chưa thực sự ổn định, áp lực tăng lạm phát còn lớn, thị trường tiêu thụ phục hồi chậm. Đồng thời, trong thời gian tới phải tiếp tục thực hiện các chủ trương, giải pháp của Chính phủ về kiểm soát lạm phát. Trong khi đó, nền kinh tế của tỉnh phát triển chưa thực sự vững chắc, chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh còn thấp; tình hình thiên tai và dịch bệnh còn tiềm ẩn phức tạp và khó lường; hệ thống kết cấu hạ tầng chưa đồng bộ; chất lượng nguồn nhân lực (đặc biệt là nhân lực chất lượng cao) còn hạn chế; nhiều chỉ tiêu thực hiện trong giai đoạn 2011-2013 đạt thấp nên nhiệm vụ còn lại là rất nặng nề, một số chỉ tiêu khó đạt, đề nghị điều chỉnh một số mục tiêu Đại hội đề ra, cụ thể:

1. Một số chỉ tiêu kinh tế đề nghị điều chỉnh

- Tốc độ tăng trưởng (GDP) bình quân hàng năm đề nghị điều chỉnh giảm từ 12,5%/năm xuống còn 7,5%/năm. Trong đó: Giá trị sản xuất nông nghiệp -

thuỷ sản 4%/năm giảm xuống còn 2,5%/năm; giá trị sản xuất công nghiệp từ 19%/năm xuống còn 11,5-12,5%/năm; giá trị sản xuất các ngành dịch vụ từ 16%/năm xuống còn 12-13%/năm; xuất khẩu đến năm 2015 điều chỉnh tăng từ 1 tỷ USD lên mức phấn đấu đạt 1,8-2 tỷ USD.

Để có thể hoàn thành các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra (bao gồm cả các chỉ tiêu đề nghị điều chỉnh trên), từ nay đến cuối nhiệm kỳ cần tập trung đẩy nhanh thực hiện đồng bộ các khâu đột phá, gắn với việc thực hiện Đề án tái cơ cấu nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, phấn đấu đạt mức cao nhất các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII đã đề ra, làm tiền đề cho bước phát triển giai đoạn sau.

2. Các nhiệm vụ trọng tâm

- Tháo gỡ vướng mắc, khó khăn cho các địa phương, doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư và nâng cao năng lực cạnh tranh nền kinh tế của tỉnh.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư, Chương trình xây dựng nông thôn mới; tạo môi trường thuận lợi để thu hút các nguồn vốn đầu tư phát triển, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước.

- Tăng cường huy động các nguồn vốn đầu tư trên địa bàn tỉnh để tập trung việc đầu tư xây dựng, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật của tỉnh đồng bộ, hiện đại.

- Hoàn thành tốt chỉ tiêu thu, chi ngân sách nhà nước.

- Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, chăm sóc sức khoẻ nhân dân; thực hiện tốt các chính sách và đảm bảo an sinh xã hội.

3. Các nhóm giải pháp chủ yếu

Trong nửa nhiệm kỳ còn lại, cần tiếp tục tập trung tháo gỡ khó khăn, phục hồi và phát triển các ngành sản xuất kinh doanh. Giải pháp cụ thể trên từng lĩnh vực như sau:

- Về phát triển nông nghiệp, nông thôn: Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, phát triển nông nghiệp theo mô hình sản xuất hàng hóa tập trung. Khuyến khích thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp. Thực hiện các chính sách hỗ trợ về giống, xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu sản xuất, tiêu thụ nông sản... Tập trung chỉ đạo tốt công tác khuyến nông, đảm bảo chất lượng vật tư nông nghiệp và vệ sinh an toàn sản phẩm. Củng cố mô hình Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp, khuyến khích các tổ chức mô hình "Liên kết 4 nhà" trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản. Hỗ trợ đổi mới công nghệ sản xuất, hình thức sản xuất theo hướng tập trung, hiện đại. Thực hiện có hiệu quả xây dựng Chương trình nông thôn mới. Tập trung chỉ đạo để phát triển nông nghiệp hàng hóa hiệu quả từ tiềm năng lợi thế của các vùng, gắn với chế biến tiêu thụ; đối với vùng bãi, vùng hai lúa trồng màu và vụ Đông; vùng lúa cá, cây ăn quả... Tập trung phát triển nhanh đàn trâu, đàn bò thịt, bò sữa trong toàn tỉnh;

tiếp tục phát triển đàn gia súc, gia cầm, thủy sản, quan tâm xây dựng nông thôn mới, nhất là phát triển kinh tế. Có cơ chế chính sách hỗ trợ nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Về phát triển công nghiệp: Nâng cao hiệu quả sử dụng đất tại các khu công nghiệp đã triển khai, giải quyết kịp thời các khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện. Tích cực thu hút đầu tư vào các ngành công nghiệp phụ trợ. Phát triển công nghiệp với nhiều quy mô, trình độ khác nhau, phù hợp với định hướng chung và lợi thế của từng vùng, từng địa phương. Phát triển công nghiệp phụ trợ và dịch vụ, tạo điều kiện đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu kinh tế. Phát triển đồng bộ giữa hạ tầng trong Khu công nghiệp và hạ tầng ngoài hàng rào Khu công nghiệp. Đẩy nhanh tiến độ GPMB, xây dựng, hoàn thiện hạ tầng các khu công nghiệp theo đúng quy hoạch được duyệt, đồng thời bổ sung cơ chế, tạo sự hấp dẫn đối với các nhà đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi nhất và hỗ trợ các doanh nghiệp để sớm đưa các dự án đầu tư mới vào hoạt động sản xuất. Xây dựng kế hoạch hành động tăng cường công tác khuyến công, tạo điều kiện phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

- Về phát triển các ngành dịch vụ: Tích cực thu hút đầu tư phát triển các ngành dịch vụ, đặc biệt là các dịch vụ chất lượng cao. Xây dựng các cơ chế, chính sách của tỉnh tạo điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế đầu tư tham gia phát triển thương mại, dịch vụ du lịch, bưu chính viễn thông, vận tải, bảo hiểm, ngân hàng. Phát triển dịch vụ thương mại, giải trí tại khu vực thành phố Hưng Yên, Phố Nối và các khu đô thị mới của tỉnh.

- Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các khu đô thị mới trên cơ sở đã được chính phủ đồng ý về nguyên tắc để vừa cải thiện đời sống về vật chất và tinh thần cho người lao động, vừa đẩy mạnh phát triển dịch vụ, tạo việc làm cho người dân không lao động trong các nhà máy. Trước mắt giành đất trong quy hoạch cho các doanh nghiệp lớn, có nhiều lao động tự xây chung cư phục vụ chỗ ở cho người lao động của chính các doanh nghiệp này và người lao động của các doanh nghiệp khác thuê.

- Đẩy mạnh hơn nữa công tác vận động, xúc tiến đầu tư, đặc biệt là các dự án đầu tư có quy mô lớn về vốn và công nghệ kỹ thuật hiện đại. Xây dựng chương trình xúc tiến đầu tư cụ thể, trong đó có việc thu hút và kêu gọi các ngành, lĩnh vực công nghiệp phụ trợ. Đa dạng hóa các chương trình xúc tiến đầu tư, quảng bá đầu tư thông qua các chuyến thăm và làm việc của lãnh đạo tỉnh; thông qua các cơ quan thông tấn báo chí; tăng cường mối quan hệ với các cơ quan, tổ chức, trung tâm xúc tiến đầu tư, văn phòng thương mại của các quốc gia đặt tại Việt Nam; các nhà đầu tư đã đầu tư vào tỉnh...

- Tập trung làm tốt công tác giải phóng mặt bằng để vừa đảm bảo giải phóng mặt bằng nhanh, đơn giản, góp phần đẩy mạnh công tác thu hút dự án đầu tư trực tiếp trong và ngoài nước, vừa đảm bảo quyền lợi của người dân có đất chuyển sang làm công nghiệp, dịch vụ.

- Tạo chuyển biến tích cực trong việc tấn công trấn áp tội phạm, đẩy lùi tệ nạn xã hội, nhất là ma túy, cờ bạc để đảm bảo doanh nghiệp và người dân yên tâm sản xuất kinh doanh và sinh sống yên ổn.

- Đặc biệt quan tâm công tác bảo vệ môi trường và có những biện pháp xử lý kịp thời các vi phạm, đảm bảo cho sự phát triển bền vững và có hiệu quả.

- Thực hiện tốt hơn nữa chế độ một cửa, một cửa liên thông; đảm bảo thực hiện tốt công tác quản lý, không chồng chéo, không gây phiền hà, sách nhiễu người dân, doanh nghiệp.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề nghị Chính phủ sớm sửa đổi, bổ sung Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính và rõ ràng về cơ chế chính sách bồi thường, ổn định mức chi phí bồi thường trong khoảng thời gian từ 3 - 5 năm để đảm bảo việc triển khai dự án được thuận lợi; kiến nghị Quốc hội sớm thông qua sửa đổi Luật Đất đai.

2. Đề án xây dựng Khu Đại học Phố Hiến tại thành phố Hưng Yên đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 999/QĐ-TTg ngày 10/7/2009, với diện tích 1.000 ha, quy mô đào tạo 80-100 nghìn sinh viên. Hiện nay trường Đại học Thủy Lợi đang triển khai thi công xây dựng, trường Đại học Chu Văn An đang tổ chức đào tạo. Các trường đại học: Giao thông vận tải, Ngoại thương, Học viện Phụ nữ, Học viện Mật mã... đã có văn bản xin đầu tư cơ sở đào tạo tại Khu này. Tuy nhiên, nhìn chung việc triển khai đầu tư xây dựng Khu Đại học Phố Hiến theo đề án được phê duyệt còn chậm, do nguồn vốn đầu tư thực hiện rất lớn và còn thiếu cơ chế hỗ trợ các trường để di dời và đăng ký mở cơ sở tại Khu Đại học Phố Hiến. Đề nghị Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương có cơ chế hỗ trợ và tạo điều kiện để các trường chuyển từ Hà Nội về Khu Đại học Phố Hiến.

3. Đề nghị Chính phủ sửa đổi Quyết định số 66/2009/QĐ-TTg ngày 24/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành một số cơ chế, chính sách phát triển nhà ở cho công nhân lao động tại các KCN thuê theo hướng tạo nhiều cơ chế ưu đãi tốt hơn để thu hút các thành phần kinh tế tham gia đầu tư nhà ở cho công nhân KCN; tổ chức thí điểm một số dự án do Nhà nước bỏ vốn để đền bù GPMB và đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, các doanh nghiệp bỏ vốn đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân và các công trình dịch vụ thương mại phục vụ công nhân KCN.

4. Chính phủ có Nghị quyết số 62/NQ-CP ngày 23/5/2013 phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của tỉnh Hưng Yên và giao Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên quản lý và tổ chức thực hiện cấp đất theo quy hoạch. Tuy nhiên, tại Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 11/5/2012 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa quy định khi chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa cho mục đích sử dụng

... ảnh hưởng đến tiến độ, hiệu quả của dự án. Do đó, để tạo thuận lợi trong việc triển khai các dự án và nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư, đề nghị Chính phủ chỉ quy định đối với các dự án sử dụng đất trong quy hoạch đất lúa, còn ngoài quy hoạch đất lúa thì Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Ủy ban nhân dân tỉnh trân trọng báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Nơi nhận:
- Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Khắc Hào